BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026)

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA TUYẾN ĐƯỜNG ĐT624 - ĐI UBND XÃ BA ĐIỀN (CỦ)

(Kèm theo Thông báo Thẩm định số: 58/KT ngày 10/11/ 2026 của Trưởng phòng Kinh tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**417.656.621**	**33.412.529**	**451.069.000**	**Gxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				408.665.969	32.693.277	441.359.246	
1.1.1	NỀN MẶT ĐƯỜNG + NÚT GIAO THÔNG (TUYẾN 1)		1	Tổng hợp dự toán hạng mục	343.887.153	27.510.972	371.398.125	
1.1.2	NỀN MẶT ĐƯỜNG (TUYẾN 2)		1	Tổng hợp dự toán hạng mục	64.778.816	5.182.305	69.961.121	
1.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng			Tổng hợp dự toán hạng mục	8.990.652	719.252	9.709.904	Gxdlt
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3,024%**		**(Gxd) trước thuế x tỷ lệ**	**12.358.059**	**988.645**	**13.347.000**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**48.873.372**	**3.909.870**	**52.783.000**	**Gtv**
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			Dự toán chi tiết	13.693.519	1.095.482	14.789.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.4 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	5,4%		(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	22.067.962	1.765.437	23.833.000	
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	3,203%		(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	13.111.891	1.048.951	14.161.000	
4	**Chi phí khác**				**3.469.700**		**3.470.000**	**Gk**
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	2.969.700		2.970.000	
5	**Chi phí dự phòng**						**331.000**	**Gdp**
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh						331.000	
	Tổng cộng				**482.357.752**	**38.311.044**	**521.000.000**	**Gxdct**
	Làm tròn						**521.000.000**	
Bằng chữ: Năm trăm hai mươi mốt triệu đồng chẵn								

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Tấn Phát